

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Biên dịch thương mại (224314) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **11/04/2023**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **B104**

D: 22  
H: 0

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Mã nhận dạng: 000397

Trang : 1/2

| Cán bộ coi thi 1       | Cán bộ coi thi 2 | G.Viên chấm thi 1 | G.Viên chấm thi 2 |
|------------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| <i>Ng. T. L. Hoàng</i> | <i>Thị Tiên</i>  | <i>P.T. Thu</i>   | <i>T.T. Hoàng</i> |

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV           | Ngày sinh  | Mã lớp   | H. Phí | Số tờ Mã đề | Chữ ký            | Đ. QT 40% | Đ. Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên  | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|------------|------------------------|------------|----------|--------|-------------|-------------------|-----------|------------|---------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| 1   | 2120240001 | NGUYỄN THỊ KIM ANH     | 09/08/2002 | CCQ2024A |        | 01          | <i>AK</i>         | 6,9       | 5,6        | 6,1     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 2   | 2120240002 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI  | 25/12/1999 | CCQ2024A |        | 01          | <i>Phu</i>        | 10        | 9,4        | 9,6     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 3   | 2120240004 | NGUYỄN QUỐC DUY        | 10/03/2001 | CCQ2024A |        | 01          | <i>Duy</i>        | 7,3       | 8,9        | 8,3     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 4   | 2119240202 | PHẠM THỊ HỒNG DUYÊN    | 10/06/2001 | CCQ1924H |        | 01          | <i>Duyen</i>      | 6,6       | 9,6        | 8,4     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 5   | 2120240038 | NGUYỄN THỊ NGỌC HIẾU   | 27/12/1998 | CCQ2024B |        | 01          | <i>Ngoc Hieu</i>  | 9,0       | 9,4        | 9,2     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 6   | 2120240039 | NGUYỄN THỊ HOÀI        | 26/04/2000 | CCQ2024B |        | 01          | <i>Huoi</i>       | 7,1       | 6,1        | 6,5     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 7   | 2120050046 | HỒ HOÀNG KHANH         | 12/02/2002 | CCQ2024G |        | 01          | <i>Khanh</i>      | 7,3       | 7,1        | 7,2     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 8   | 2120240208 | TRẦN NGUYỄN MINH KHÔI  | 05/01/2002 | CCQ2024C |        |             |                   | 3,5       |            |         | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 9   | 2120240047 | NGUYỄN THỦY LINH       | 01/05/2002 | CCQ2024B |        | 01          | <i>Thuy</i>       | 8,2       | 7,3        | 7,7     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 10  | 2120240194 | TRẦN HOÀNG MINH LƯỢNG  | 08/08/2002 | CCQ2024G |        | 01          | <i>Luan</i>       | 5,9       | 8,3        | 7,3     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 11  | 2120240006 | HOÀNG TRÚC LY          | 23/10/2002 | CCQ2024A |        | 01          | <i>Ly</i>         | 7,2       | 6,9        | 7,0     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 12  | 2118240390 | CHÂU THÚY NGÂN         | 06/09/2000 | CCQ1824F |        | 01          | <i>Thuy Ngan</i>  | 5,7       | 5,9        | 5,8     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 13  | 2120240008 | LÊ THỊ KIM NGÂN        | 14/08/1998 | CCQ2024A |        | 01          | <i>Kim Ngan</i>   | 9,8       | 8,9        | 9,3     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 14  | 2120240009 | NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÂN  | 14/05/2002 | CCQ2024A |        | 01          | <i>Tuyen Ngan</i> | 7,4       | 6,2        | 6,7     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 15  | 2120240010 | VŨ MINH NGHĨA          | 24/02/2001 | CCQ2024A |        |             |                   |           |            |         | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 16  | 2120240011 | NGUYỄN THỊ THẠCH NGỌC  | 29/07/1999 | CCQ2024A |        | 01          | <i>Thuy</i>       | 9,0       | 8,1        | 8,5     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 17  | 2121240009 | TRẦN KIM NGỌC          | 12/06/2003 | CCQ2124A |        | 01          | <i>Kim Ngoc</i>   | 5,7       | 6,3        | 6,1     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 18  | 2121240038 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI     | 07/04/2003 | CCQ2124B |        | 01          | <i>Yen Nhi</i>    | 9,6       | 8,2        | 8,8     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 19  | 2120240206 | VŨ THỊ MINH NHUNG      | 14/10/2002 | CCQ2024B |        | 01          | <i>Minh Nhung</i> | 9,1       | 7,7        | 8,3     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |
| 20  | 2121240019 | NGUYỄN ĐOÀN TRIỆU QUÂN | 20/03/2003 | CCQ2124A |        | 01          | <i>Tru</i>        | 8,2       | 7,2        | 7,6     | <i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i> | <i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>          |

\* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 28/03/2023

## Trang : 2/2

Số tờ giấy thi: 2

|                                                                                                                            |                                                                                                                                   |                                                                                                                      |                                                                                                                          |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cán bộ coi thi 1<br><br>Ng. T. L. Hoàng | Cán bộ coi thi 2<br><br>Hoàng Thị<br>Thủy Tiên | G.Viên chấm thi 1<br><br>P.T. Thu | G.Viên chấm thi 2<br><br>T.T. A. Hùng |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV           | Ngày sinh  | Mã lớp   | H.Phí | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký | Đ.QT<br>40% | Đ.Thi<br>60% | Điểm<br>HP | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|------------|------------------------|------------|----------|-------|----------------|--------|-------------|--------------|------------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 21  | 2120240019 | NGUYỄN MINH TÂN        | 15/09/2002 | CCQ2024A |       | 01             |        | 8.8         | 7.9          | 8.3        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 22  | 2121240078 | NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG | 06/05/2001 | CCQ2124C |       | 01             |        | 8.1         | 8.0          | 8.0        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 23  | 2120240026 | DƯƠNG QUÝ THY          | 12/02/2002 | CCQ2024A |       | 01             |        | 7.3         | 6.8          | 7.0        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |
| 24  | 2120240118 | TRẦN THỊ THÚY TRIỀU    | 24/05/2002 | CCQ2024D |       | 01             |        | 5.1         | 5.8          | 5.5        | (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10       | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9                 |

Được quét bằng CamScanner